

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **224/2017/HSPT**
Ngày: 06-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 140/HSPT ngày 13 tháng 6 năm 2017 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số 48/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 tại Quảng Nam;

Hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã H, huyện X, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ở hiện nay: Khu phố P, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương;

Nghề nghiệp: Lái xe ; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Lê Thị L, sinh năm 1957;

Có vợ: Phạm Thanh T2, sinh năm 1989, Có 01 con sinh năm 2014;

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2016 (Có mặt);

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lê Ngọc T3, Lưu Thế Đ2 và Nguyễn đơn dân sự nhưng do những người này không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thì nội dung vụ án được như sau:

Lê Ngọc T3 và Lưu Thế Đ2 là tài xế của công ty TNHH MTV gỗ Sơn Tân V có trụ sở tại ấp L, xã Q, huyện B. Từ khoảng thời gian tháng 8 năm 2016 đến ngày 06/12/2016, T3 và Đ2 nhiều lần trộm cắp gỗ của công ty Sơn Tân V đem bán cho Nguyễn Văn Đ, cụ thể:

Lần thứ nhất: Do thường xuyên chở hàng xuống Bình Dương để giao cho khách hàng nên T3 có gặp và quen biết Nguyễn Văn Đ làm nghề lái xe. Đ nói với T3 nếu có gỗ giá rẻ thì đem bán cho Đ, T3 đồng ý. Đầu tháng 8/2016, T3 và Đ2 bàn bạc với nhau trộm cắp gỗ của công ty đem bán. Sau khi Đ2 nâng gỗ lên xe tải biển số 60C-08349 để T3 đi giao cho khách hàng thì Đ2 trộm cắp thêm 02 kiện gỗ cao su có tổng khối lượng là 2,7 m³ gồm các thanh gỗ có kích thước 26mm x 55mm x 200-250mm nâng lên xe tải và điện báo cho T3 biết. T3 gọi điện cho Đ nói có 02 kiện gỗ cần bán và thỏa thuận là 3.500.000đ/m³. Đ không biết số gỗ trên là do trộm cắp nên mua số gỗ trên. Vào khoảng 04 giờ sáng ngày hôm sau, T3 điều khiển xe ô tô biển số 60C-08349 đi giao hàng, đồng thời đem 02 kiện gỗ đến kho để xe của Đ tại khu phố C, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương bán cho Đ với giá 9.400.000đ, T3 chia cho Đ2 4.700.000đ.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 02 đến 03 ngày, Đ2 trộm cắp 02 kiện gỗ cao su có tổng khối lượng 2,8m³ gồm các thanh gỗ có kích thước 26mm x 55mm x 200-250mm rồi gọi điện cho T3 chở đi tiêu thụ. T3 gọi điện cho Đ báo là có gỗ để bán. Đ không biết số gỗ trên là do trộm cắp mà có nên mua với giá 9.800.000đ. T3 chia cho Đ2 4.900.000đ.

Sau hai lần mua gỗ trên, khoảng 02 ngày sau T3 và Đ2 tiếp tục trộm cắp của công ty Sơn Tân V, T3 gọi điện báo Đ thì Đ có hỏi T3 nguồn gốc gỗ thì T3 nói là T3 và Đ2 trộm cắp của công ty đem bán cho Đ. Lần thứ 03 Đ mới biết là gỗ do T3 trộm cắp nhưng vẫn hứa hẹn nếu trộm cắp được thì đem bán cho Đ. Những lần trộm cắp tiếp theo (T3 và Đ2 không nhớ chính xác ngày tháng), khoảng 19 lần, T3 và Đ2 trộm cắp 30m³ khối gỗ loại thanh có kích thước 26mm x 55mm x 200-250mm, bán cho Đ với giá là 105.000.000đ; 10m³ gỗ loại thanh có kích thước 33mm x 55mm x 200-250mm bán với giá 38.000.000đ; 04 m³ gỗ loại thanh có kích thước 38mm x 55mm x 200-250mm bán với giá 15.600.000đ. Tổng số tiền bán được trong những lần này T3 và Đ2 chia đều mỗi người một nửa.

Lần thứ 22: Ngày 28/11/2016, Đ2 trộm được 03m³ gỗ cao su loại thanh có kích thước 55mm x 55mm x 200-250mm sau đó nâng lên xe tải rồi gọi cho T3 chở đi tiêu thụ. Ngày 29/11/2016 T3 chở đến bán cho Đ với giá 12.000.000đ và chia cho Đ2 6.000.000đ.

Lần thứ 23: Ngày 30/11/2016, Đ2 trộm được 03m³ gỗ cao su loại thanh có kích thước 55mm x 55mm x 200-250mm sau đó nâng lên xe tải rồi gọi cho T3 chở đi tiêu thụ. Ngày 01/12/2016 T3 chở đến bán cho Đ với giá 12.000.000đ và chia cho Đ2 6.000.000đ.

Lần thứ 24: Ngày 05/12/2016, Đ2 trộm được 2,5m³ gỗ cao su loại thanh có kích thước 38mm x 55mm x 200-250mm sau đó nâng lên xe tải rồi gọi cho T3 chở đi tiêu thụ. Ngày 06/12/2016 T3 chở đến bán cho Đ với giá 9.700.000đ lần này Đ chưa trả tiền.

Lần thứ 25: Vào khoảng 19 giờ ngày 06/12/2016, Đ2 nâng các kiện gỗ lên xe ô tô biển số 60C-08349 cho T3 đi giao hàng và Đ2 trộm thêm 02 kiện gỗ rồi điện thoại báo cho T3 biết. Đến khoảng 04 giờ ngày 07/12/2016, T3 vào công ty điều khiển xe ô tô 60C-08349 đi giao hàng và tiêu thụ hai kiện gỗ Đ2 và T3 trộm cắp thì bị anh Nguyễn Vũ S là giám đốc công ty cùng các công nhân phát hiện và báo Công an xã Q. Vật chứng thu giữ là 01 kiện gỗ cao su gồm 1840 thanh có kích thước 38mm x 55mm x 350mm; 01 kiện gỗ cao su gồm 1848 thanh có kích thước 55mm x 55mm x 250mm; 01 điện thoại Nokia X2 màu đen; 01 điện thoại Microsoft màu đen; 01 điện thoại Nokia 106.1 màu đỏ.

Theo kết luận định giá ngày 09/12/2016 (bút lục 153) và kết luận định giá ngày 14/02/2017 (bút lục 156) của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện B kết luận tổng 60,7436 m³ gỗ có tổng trị giá là 268.752.000đ (hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Tại bản án sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã áp dụng điểm a khoản 3 điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Lê Ngọc T3 04 năm 06 tháng tù, bị cáo Lưu Thế Đ2 04 năm tù cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo là lao động chính trong gia Đ, chưa có tiền án tiền sự, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, tuy nhiên bị cáo cho rằng mức án 03 năm tù là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo do hoàn cảnh gia Đ khó khăn, bị cáo là lao động chính.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát: Hành vi của bị cáo đã rõ, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo là đúng, mức án 03 năm tù là tương xứng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ xử bị cáo 03 năm tù (Dưới khung hình phạt), nên bị cáo kháng cáo xin giảm án là không có cơ sở, nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

XÉT THẤY

Vì trục lợi cá nhân, Nguyễn Văn Đ đã nhiều lần mua gỗ của Lê Ngọc T3 và Lưu Thế Đ2 dù biết đó là gỗ do T3 và Đ2 lấy trộm của công ty TNHH MTV gỗ Sơn Tân V. Nguyễn Văn Đ hứa hẹn với T3 và Đ2 nếu trộm cắp được thì đem bán cho Đ. Sau 25 lần T3 và Đ2 đã lấy trộm tổng cộng 60,7436 m³ gỗ có tổng trị giá là 268.752.000đ (hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng). Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Văn Đ và đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và không oan sai.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ tham gia với vai trò người giúp sức tích cực. Bị cáo là người đã trưởng thành, có công việc ổn định, nhận thức pháp luật đầy đủ, nhưng do ham lợi cá nhân nên đã phạm tội. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo mức án 03 năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, về việc áp dụng pháp luật, bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng Tòa án sơ thẩm không áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự để xử phạt là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết đặc biệt nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, do đó cũng không có căn cứ để giảm án cho bị cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2016.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (1);
- VKSND H – CA H (2);
- TAND H (2);
- B5 - Bị cáo (2);
- PV 27 (1);
- Lưu (5);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Phương